**Phụ lục IV**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐẠT TIÊU CHÍ "WO-AK"**  *(ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 quy định về xuất xứ hàng hóa)* | | | | | | | | | | | | | |  | |
|  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |
| Tên Thương nhân: Công ty ……….. | | | | |  |  |  | | |  | Tiêu chí áp dụng: WO-AK | | |  | |  | |
| Mã số thuế: …………… | | | | |  |  |  | |  |  | Tên hàng hóa: | | |  | |  | |
| Tờ khai hải quan xuất khẩu số: ………………. | | | | |  |  |  | | |  | Mã HS của hàng hóa (6 số): | | |  | |  | |
|  | | | | |  |  |  | | |  | Số lượng: ………..đơn vị tính | | |  | |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  | | |  | Trị giá (FOB): …………... USD | | |  | |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |
| STT | Tên nguyên liệu | | Mã HS | Số lượng và Đơn vị tính | Đơn giá | Tổng trị giá | Tên và địa chỉ  nhà sản xuất/ nhà cung cấp/người xuất khẩu | | Nước  xuất xứ | Tờ khai hải quan nhập khẩu/ Hóa đơn giá trị gia tăng | | C/O ưu đãi nhập khẩu/  Bản khai báo của nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước đáp ứng “WO” theo định nghĩa trong AKFTA | | | |  | |
| Số | Ngày | Số | Ngày | | |  | |
| (1) | (2) | | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | | |  | |
| 1 |  | |  |  |  |  |  | | Việt Nam |  |  |  |  | | |  | |
| 2 |  | |  |  |  |  |  | | Hàn Quốc |  |  |  |  | | |  | |
| 3 |  | |  |  |  |  |  | | Thái Lan |  |  |  |  | | |  | |
| …. |  | |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  | | |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | |  | |
| **Kết luận: Hàng hóa đáp ứng tiêu chí “WO-AK”** | | | | | |  |  | |  |  |  |  |  | | |  | |
| Công ty cam kết số liệu, thông tin khai báo trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu đã khai. | | | | | | | | | | |  |  |  | | |  | |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | | |  | |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | | |  | |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  | *….., ngày ... tháng ... năm 20…* | | | | | | | |
|  | |  |  |  |  |  | |  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** | | | | | |  |
|  | |  |  |  |  |  | |  | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)* | | | | | |  |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  | | |  |
| *Ghi chú:* | | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  | | |  |
| - Mẫu Bảng kê khai này chỉ áp dụng cho thương nhân đề nghị cấp C/O mẫu AK với tiêu chí WO-AK quy định trong AKFTA mà Việt Nam là thành viên. | | | | | | | | | | | | | |  | | |  |
| - Thương nhân nộp bản in Tờ khai hải quan nhập khẩu và bản sao các chứng từ (có đóng dấu sao y bản chính): Quy trình sản xuất hàng hóa, Hóa đơn giá trị gia tăng, C/O ưu đãi nhập khẩu, Bản khai báo của nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước để đối chiếu với thông tin kê khai từ cột (8) đến cột (12). | | | | | | | | | | | | | | | | |  |